

HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG
Số: 66-HĐBT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 20 tháng 4 năm 1984

STHÔNG TƯ

SỐ 66-HĐBT NGÀY 20-4-1984

Hướng dẫn thi hành Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân

Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân đã được Quốc hội khoá VII, kỳ họp thứ 5, thông qua ngày 30-6-1983. Ngày 16-2-1984 Hội đồng Nhà nước đã ban hành quy định tạm thời số 2-HĐNN về hướng dẫn hoạt động của Hội đồng nhân dân. Căn cứ vào Điều 70 của Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân, Hội đồng Bộ trưởng hướng dẫn Ủy ban nhân dân các cấp thi hành Luật nói trên như sau:

I- QUÁN TRIỆT TINH THẦN MỚI CỦA LUẬT TỔ CHỨC

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN VÀ UỶ BAN NHÂN DÂN

Làm chủ bằng Nhà nước, nhân dân lao động ở địa phương trước tiên thực hiện quyền làm chủ của mình thông qua Hội đồng nhân dân. Nhưng hiện nay, nhiều nơi hoạt động của Hội đồng nhân dân còn hình thức, do nhiều nguyên nhân, trong đó có nguyên nhân về nhận thức của Ủy ban nhân dân đối với Hội đồng nhân dân chưa đầy đủ. Căn cứ vào Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ V, các Nghị quyết khác của Đảng và Hiến pháp của Nhà nước nói về Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp cần tổ chức nghiên cứu Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy

ban nhân dân, quán triệt tinh thần mới của Luật về Hội đồng nhân dân. Dưới đây là những vấn đề mấu chốt cần nắm vững khi nghiên cứu và thực hiện.

1- Hội đồng nhân dân là cơ quan quyền lực Nhà nước ở địa phương, do nhân dân địa phương bầu ta, không chỉ chịu trách nhiệm trước nhân dân địa phương, mà còn chịu trách nhiệm trước chính quyền cấp trên.

2- Hội đồng nhân dân căn cứ vào pháp luật, chính sách của Nhà nước và nhiệm vụ, quyền hạn của cấp mình, không chỉ quyết định mà còn phải bảo đảm thực hiện các chủ trương, biện pháp để phát huy tiềm năng của địa phương, xây dựng địa phương về mọi mặt và làm tròn nghĩa vụ của địa phương đối với cả nước.

3- Ủy ban nhân dân do Hội đồng nhân dân bầu ra, là cơ quan chấp hành của Hội đồng nhân dân, là cơ quan hành chính Nhà nước ở địa phương.

4- Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân về các mặt kinh tế, khoa học và kỹ thuật, văn hoá, xã hội và đời sống, an ninh và quốc phòng, pháp chế xã hội chủ nghĩa, tổ chức và cán bộ, ra nghị quyết và kiểm tra việc thi hành nghị quyết, giám sát và hướng dẫn hoạt động của Hội đồng nhân dân cấp dưới, giám sát công tác của Ủy ban nhân dân, và nhiệm vụ, quyền hạn riêng biệt của Hội đồng nhân dân từng cấp.

5- Hiệu quả hoạt động của Hội đồng nhân dân được bảo đảm bằng hiệu quả của các kỳ họp Hội đồng nhân dân, hiệu quả hoạt động của Ủy ban nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân và hiệu quả hoạt động của các đại biểu Hội đồng nhân dân.

6- Những bảo đảm cho việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân.

II- ĐỀ CAO TRÁCH NHIỆM CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN

TRƯỚC HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN

1- Tổ chức kỳ họp của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân phải thi hành đúng như quy định của Hội đồng Nhà nước; phải đặc biệt coi trọng thi hành Điều 24 của Luật "những vấn đề nhất thiết phải được thảo luận và giải quyết trong các kỳ họp của Hội đồng nhân dân". Để cho nghị quyết của Hội đồng nhân dân thể hiện được quyền làm chủ tập thể của nhân dân ở địa phương và đúng pháp luật, chính sách của Nhà nước, Ủy ban nhân dân phải phối hợp chặt chẽ với các Ban chuyên trách của Hội đồng nhân dân chuẩn bị tốt các kỳ họp của Hội đồng nhân dân. Các

vấn đề đưa ra Hội đồng nhân dân thảo luận, quyết định phải được thông báo trước cho các đại biểu Hội đồng nhân dân, để các đại biểu có thì giờ nghiên cứu chuẩn bị ý kiến cho kỳ họp.

Ủy ban nhân dân phải có kế hoạch cụ thể thi hành nghị quyết của Hội đồng nhân dân, đôn đốc, kiểm tra các cơ quan, đơn vị thuộc quyền và các cá nhân phải thực hiện nghị quyết đó.

2- Căn cứ vào nghị quyết của Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp có trách nhiệm xây dựng, củng cố, kiện toàn các Ban chuyên trách và Ban thư ký của Hội đồng nhân dân; xác định cụ thể nhiệm vụ, quyền hạn của các Ban này; bảo đảm các điều kiện cần thiết cho các Ban và các đại biểu tham gia các Ban này tổ chức và hoạt động; đồng thời hướng dẫn cho các cơ quan, đoàn thể và nhân dân ở địa phương nhận rõ và thực hiện trách nhiệm của mình đối với sự hoạt động của các Ban và các đại biểu Hội đồng nhân dân.

3- Căn cứ vào nghị quyết của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cùng cấp có trách nhiệm tổ chức cho các đại biểu Hội đồng nhân dân nghiên cứu nắm vững những vấn đề cơ bản của Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân, hướng dẫn các đại biểu xác định rõ tư cách, nhiệm vụ, quyền hạn và phương thức hoạt động của mình trong kỳ họp cũng như giữa hai kỳ họp của Hội đồng nhân dân; bảo đảm cho các đại biểu đi sát cử tri, giải quyết tốt những khiếu nại, tố cáo và kiến nghị của nhân dân, bảo đảm quyền chất vấn của đại biểu được thực hiện đầy đủ, nghiêm chỉnh.

Ngoài phần trách nhiệm của mình, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc Trung ương chú trọng chỉ đạo Ủy ban nhân dân các cấp huyện, xã và tương đương thực hiện đầy đủ trách nhiệm như trên của từng cấp.

III- KIẾN TOÀN ỦY BAN NHÂN DÂN

Để Ủy ban nhân dân thực hiện đúng chức năng là cơ quan chấp hành của Hội đồng nhân dân và chức năng cơ quan hành chính Nhà nước ở địa phương, phải kiện toàn Ủy ban nhân dân có số lượng và khối lượng cần thiết:

1- Căn cứ vào tinh thần mới của Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân và Chỉ thị số 36-CT/TW ngày 6-2-1984 của Ban Bí thư Trung ương Đảng, Hội đồng Bộ trưởng lưu ý một điểm sau đây: